

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
BẤT ĐỘNG SẢN TASECO
TASECO LAND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/ No: 957/2026/CBTT-TAL

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 23rd, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: Ho Chi Minh Stock Exchange.**

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TASECO/ TASECO LAND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock code: TAL

- Địa chỉ trụ sở chính/ Address: Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội/ 1st Floor, NO2-T1 Building, Diplomatic Complex, Xuan Tao Road, Xuan Dinh Ward, Hanoi City.

- Điện thoại/ Phone: 024 3793 2525

- Fax: 024 3793 2626

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

Ngày 22/6/2026, Công ty đã nhận Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 300643/26 ngày 22/06/2026 với việc xác nhận thay đổi ngành nghề kinh doanh theo đính kèm.

On June 22nd, 2026, the Company received the Certificate of Change of Enterprise Registration Contents No. 300643/26 dated June 22nd, 2026 with the confirmation of the change of business line as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco vào ngày 23/06/2026 tại đường dẫn:
<https://tasecoland.vn/cong-bo-thong-tin-252347>

This information was posted on Taseco Land website on June 23rd, 2026 at this link: <https://en.tasecoland.vn/information-disclosure-252347>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp .
the Certificate of Change of Enterprise Registration Contents.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PARTY AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Cao Thị Lan Hương



Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

Số:



300643/26



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38248989 máy lẻ 191 Số Fax:

Thư điện tử: pdkkdtdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

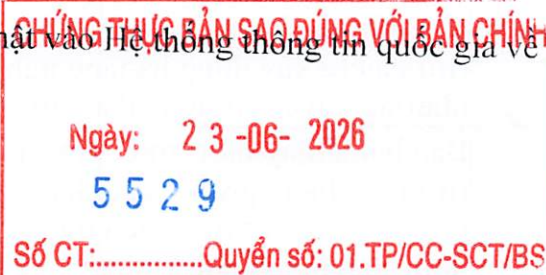
Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TASECO

Mã số doanh nghiệp: 0104079036

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Thị Hằng

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế hệ thống thông gió, điều hòa công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống mạng thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp - Thiết kế công trình đường bộ - Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; - Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV; - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Tư vấn thẩm tra thiết kế công trình xây dựng (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); - Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng giao thông các cấp không phân biệt vùng; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; - Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.	7110
2	Quảng cáo Chi tiết: dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng	7310
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810(Chính)
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4659
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà Công ty kinh doanh (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	8299
10	Phá dỡ	4311
11	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410

STT	Tên ngành	Mã ngành
12	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
13	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
14	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
15	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
18	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
20	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4610
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
22	Xây dựng công trình thủy (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4291
23	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
24	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
26	Xây dựng nhà để ở	4101
27	Xây dựng nhà không để ở	4102
28	Xây dựng công trình điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4221
29	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
31	Xây dựng công trình công ích khác	4229
32	Trồng cây lâu năm khác	0129
33	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
34	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
35	Thu gom rác thải không độc hại (trừ thu gom rác trực tiếp từ hộ gia đình)	3811
36	Thu gom rác thải độc hại (trừ thu gom rác trực tiếp từ hộ gia đình)	3812
37	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
38	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822

STT	Tên ngành	Mã ngành
39	Tái chế phế liệu	3830
40	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
41	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4652
42	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
43	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
44	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
45	Cho thuê xe có động cơ	7710
46	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
47	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
48	Điều hành tua du lịch Chi tiết: cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam	7912
49	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
50	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
51	Hoạt động thể thao khác	9319
52	Giáo dục nhà trẻ	8511
53	Giáo dục mẫu giáo	8512
54	Giáo dục tiểu học	8521
55	Giáo dục trung học cơ sở	8522
56	Giáo dục trung học phổ thông	8523
57	Đào tạo sơ cấp	8531
58	Đào tạo trung cấp	8532
59	Đào tạo cao đẳng	8533
60	Đào tạo đại học	8541
61	Đào tạo thạc sỹ	8542
62	Đào tạo tiến sỹ	8543
63	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
64	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
65	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
66	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
67	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
68	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
69	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130

STT	Tên ngành	Mã ngành
70	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội	3511
71	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, Sản xuất điện hydro từ nguồn năng lượng tái tạo, Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo khác trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội	3512
72	Truyền tải và phân phối điện trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội	3513
73	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
74	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản	6821
75	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không ở	6829
76	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn thuế, kế toán, kiểm toán, các vấn đề liên quan đến pháp lý)	7020
77	Đại lý lữ hành Chi tiết: cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam	7911
78	Hoạt động liên quan đến du lịch khác Chi tiết: cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch việt nam và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch việt nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch việt nam (trừ kinh doanh dịch vụ lữ hành)	7990
79	Dịch vụ cảnh quan	8130
80	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
81	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các khóa học và gia sư	8561
82	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
83	Hoạt động y tế dự phòng	8692
84	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8693
85	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329



STT	Tên ngành	Mã ngành
86	(Đối với những ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TASECO. Địa chỉ:Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, Khu Đoàn ngoại giao, đường Xuân Tảo, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

.....;

- Lưu: Nguyễn Bích Ngân.....



HANOI DEPARTMENT OF FINANCE
**BUSINESS REGISTRATION AND
CORPORATE FINANCE DIVISION**

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

No.:



300643/26

Hanoi, June 22nd, 2026

CONFIRMATION

On the change of Business Registration Information

BUSINESS REGISTRATION AND CORPORATE FINANCE DIVISION: Hanoi City
Head Office: Lien Co Van Ho Area - 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung Ward,
Hanoi City, Vietnam

Tel: 024 38248989 Ext. 191

Fax:

Email: pdkkdtcdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Certifies that:

Enterprise name: TASECO LAND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Enterprise code: 0104079036

**The enterprise has notified the business registration authority of changes to its
business registration information.**

The enterprise's information has been updated in the National Enterprise Registration
Information System as follows:



No.	Registered Business Line	Industry Code
1.	Architectural and related technical consultancy <i>Detail:</i> - Electrical system design for civil and industrial works; - HVAC system design; - Telecommunications and ICT system design; - Urban planning design; architectural design; - Structural design for civil and industrial works; - Road design; - Plumbing design; - Power line and substation design up to 35 kV; - Investment project preparation consultancy; - Construction project management; - Design review consultancy (within registered professional certificates); - Supervision of construction of transport works at all grades; - Supervision of construction and finishing of civil and industrial works; - Supervision of installation of equipment and electrical technology in power lines and substations up to 35 kV; - Supervision of construction and installation of plumbing equipment; cost management consultancy; - Project management consultancy.	7110
2.	Advertising <i>Detail: advertising product introduction services to the public</i>	7310
3.	Other specialised construction activities	4390
4.	Installation of other building systems	4329
5.	Building completion and finishing	4330
6.	Electrical installation	4321
7.	Real estate business using owned, managed or leased land use rights (excluding investment in cemetery and graveyard infrastructure for transfer of land use rights)	6810 (Primary)
8.	Wholesale of other machinery, equipment and parts (excluding exercise of export, import or distribution rights for restricted goods)	4659
9.	Other business support service activities not elsewhere classified <i>Detail: import and export of goods in the Company's business lines, excluding exercise of export, import or distribution rights for restricted goods</i>	8299
10.	Demolition	4311
11.	Specialised design activities <i>Detail: interior decoration</i>	7410
12.	Manufacture of concrete and products from concrete, cement and plaster	2395

No.	Registered Business Line	Industry Code
13.	Site preparation (<i>excluding blasting services</i>)	4312
14.	Manufacture of refractory products	2391
15.	Construction of railways	4211
16.	Construction of roads	4212
17.	Manufacture of clay building materials	2392
18.	Manufacture of cement, lime and plaster	2394
19.	Rental of other machinery, equipment and tangible goods without operator	7730
20.	Agents, brokers and auctioneers of goods (<i>excluding exercise of export, import or distribution rights for goods on the restricted list for foreign investors and foreign-invested economic organisations</i>)	4610
21.	Plumbing, heating and air-conditioning installation	4322
22.	Construction of hydraulic works (<i>excluding national grid transmission and dispatch; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special national importance</i>)	4291
23.	Construction of mining works	4292
24.	Construction of processing and manufacturing works	4293
25.	Construction of other civil engineering works	4299
26.	Construction of residential buildings	4101
27.	Construction of non-residential buildings	4102
28.	Construction of electricity works (<i>excluding national grid transmission and dispatch; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special national importance</i>)	4221
29.	Construction of water supply and drainage works	4222
30.	Construction of telecommunications works	4223
31.	Construction of other public utility works	4229
32.	Growing of other permanent crops	0129
33.	Water collection, treatment and supply	3600
34.	Drainage and wastewater treatment	3700
35.	Collection of non-hazardous waste (<i>excluding direct collection from households</i>)	3811
36.	Collection of hazardous waste (<i>excluding direct collection from households</i>)	3812
37.	Treatment and disposal of non-hazardous waste	3821

No.	Registered Business Line	Industry Code
38.	Treatment and disposal of hazardous waste	3822
39.	Recycling of materials	3830
40.	Remediation activities and other waste management services	3900
41.	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components <i>(excluding exercise of export, import or distribution rights for restricted goods)</i>	4652
42.	Other passenger road transport	4932
43.	Warehousing and storage	5210
44.	Activities of head offices	7010
45.	Rental of motor vehicles	7710
46.	Rental of sports and recreational equipment	7721
47.	Rental of non-financial intangible assets	7740
48.	Tour operator activities <i>Detail: provision of inbound tourism services and domestic travel services for inbound visitors as part of inbound tourism services</i>	7912
49.	Convention and trade show organisation	8230
50.	Activities of sports facilities	9311
51.	Other sports activities	9319
52.	Pre-primary education (crèche)	8511
53.	Pre-primary education (kindergarten)	8512
54.	Primary education	8521
55.	Lower secondary education	8522
56.	Upper secondary education	8523
57.	Vocational primary training	8531
58.	Intermediate vocational training	8532
59.	College-level training	8533
60.	University-level training	8541
61.	Master's-level training	8542
62.	Doctoral training	8543
63.	Sports and recreational education	8551
64.	Cultural and arts education	8552
65.	Other education not elsewhere classified (excluding religious education; Party and mass organisation schools)	8559
66.	Activities of hospitals and health stations	8610

No.	Registered Business Line	Industry Code
67.	Activities of general and specialist clinics and dental clinics	8620
68.	Other human health activities not elsewhere classified	8699
69.	Propagation of agricultural plants	0130
70.	Generation of electricity from non-renewable energy sources (excluding national grid transmission and dispatch; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special national importance)	3511
71.	Generation of electricity from renewable energy sources <i>Details: Generation of wind power, solar power and biomass power; generation of hydrogen-based power from renewable energy sources; and generation of power from other renewable energy sources.</i> (excluding national grid transmission and dispatch; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special national importance)	3512
72.	Electric power transmission and distribution (excluding national grid transmission and dispatch; construction and operation of multipurpose hydropower plants and nuclear power plants of special national importance)	3513
73.	Wholesale of other building installation materials and equipment	4673
74.	Intermediation service activities for real estate	6821
75.	Other real estate activities on a fee or contract basis <i>Details:</i> - Consultancy and management activities relating to residential housing and residential land use rights; - Consultancy and management activities relating to non-residential buildings and non-residential land use rights.	6829
76.	Business management consultancy and other management consultancy activities (excluding tax consultancy, accounting, auditing, and legal-related matters)	7020
77.	Travel agency activities <i>Detail: provision of inbound tourism services and domestic travel services for inbound visitors as part of inbound tourism services</i>	7911
78.	Other tourism-related activities <i>Detail: provision of inbound tourism services and domestic travel services for inbound visitors as part of inbound tourism services, excluding outbound travel business</i>	7990
79.	Landscape care and maintenance services	8130

No.	Registered Business Line	Industry Code
80.	Administrative and office support activities	8210
81.	Intermediation service activities for courses and tutors	8561
82.	Other educational support activities	8569
83.	Preventive health activities	8692
84.	Activities of orthopaedic and rehabilitation centres	8693
85.	Other amusement and recreation activities	9329
86.	For conditional business lines, the enterprise may only conduct business upon satisfying all conditions as prescribed by law	Business lines not yet corresponding to the Vietnam Standard Industrial Classification

Recipient:

- TASECO LAND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Address: 1st Floor, NO2-T1 Building, Diplomatic Complex, Xuan Tao Road, Xuan Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam.

-.....;

- Save: Nguyen Bich Ngan.....

HEAD OF DIVISION

(Signed and Sealed)

Le Hong Hanh

